KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA HUYỀN NGHĨA

QUYỂN 7 (HẠ)

Quyến thuộc diệu Bản môn, như kinh nói: "Các Bồ-tát này đều phương dưới đến trụ giữa hư không. Các vị ấy là con của Ta và Ta là cha của họ". Phương dưới được gọi là dưới đáy. Trong Đại Phẩm có các Tam muội thuộc tận cùng dưới đáy các pháp. Thích Luận nói: "trí độ đại đạo của Phật tận cùng đến đáy" nên biết các Bồ-tát này gần gũi tận cùng đến đáy trí độ của Phật. "Hư không" là ánh sáng vắng lặng của pháp tánh hư không. Từ thời xưa ánh sáng vắng lặng ấy nơi hư không mà lưu suất ra ánh sáng vắng lặng giữa hư không của thời nay. Thời nay, ánh sáng vắng lặng giữa hư không không biết thời xưa cho nên nói "Ta đi qua các cõi nước nhưng không biết có một người từ dưới đất vọt lên. Hàng ngàn thế giới đều là quyến thuộc tương ứng của xưa kia". Sở dĩ không có ba hạng người là vì thời tiết trải qua đã lâu nên quyền chuyển làm thật, chỉ có một thừa mà không có ba thừa hoặc có thể nêu ra một thừa rồi theo đó mà biết có ba thừa. Từ Bản môn thị hiện Tích môn và ở trong Tích môn mới được thành Phật. Thời gian cũng có nghiệp, nguyện, thông và ứng, sự hóa hiện của trung gian cũng có bốn loại: Văn Thù, Quán Âm, Điều Đạt v.v... hoặc gọi là thầy, hoặc gọi là đệ tử. Gọi là đệ tử vì đối với hoặc chướng chưa thấu suốt hết. Nếu loại bỏ trung gian thì không gì không phải Tích môn tức Tích môn và Bản môn có thể hiểu được. Nếu chấp vào Tích môn và nghi ngờ Bản môn thì cả hai nghĩa đều mất v.v...

Hỏi: Tích môn và Bản môn nếu so với nhau ngàn thế giới vi trần tức là ít còn nếu làm tăng số đạo tức là nhiều, vậy Pháp thân của Tích môn và Bản môn có sự sâu cạn khác biệt chăng?

Đáp: Pháp thân trước kia (bản) vốn viên mãn, không tăng cũng không giảm nhưng ước định ở duyên hóa độ thì có rộng, có hẹp.

Hỏi: Nếu như vậy duyên hóa độ ở "Sơ trụ" và "nhị trụ" có nhiều có ít thì Pháp thân cũng phải không có sâu, cạn?

Đáp: Vì ở cấp độ Bồ-tát chưa thấu triệt hết nên ước định ở thật chứng mà phán quyết có sâu cạn. Nhưng đối với Phật thì đã viên mãn cho nên chỉ quyết định ở quyền biến hóa mà có bốn câu luận về rộng, hẹp v.v...

Hỏi: Nói rõ nhân quả v.v... đều ước định Phật ở Tích môn chỉ ra Bản môn, phần nêu ra quyến thuộc thì kêu gọi Bản môn để đi đến Tích môn là sao vậy?

Đáp: Pháp nhân quả v.v... rất vi tế khó hiểu rõ nên mới ước định cái này để chỉ ra cái kia. Quyến thuộc là con người nên kêu gọi đến dễ dàng làm chứng: Hoặc có thể lấy con người căn Bản môn để chỉ rõ con người của Tích môn, hoặc sẽ dùng pháp của Tích môn để hiển bày pháp căn Bản môn, chỉ là ý hiển hiện lẫn cho nhau đó thôi.

Niết-bàn diệu Bản môn như kinh nói "Phật kia nhập vào Niết-bàn, chẳng phải thật diệt độ mà xướng nói là sẽ diệt độ". Chẳng phải thật diệt độ chính là sự tích diệt căn Bản môn thường trụ. "Xướng nói diệt độ" là để điều phục chúng sanh. Thảy đều là Niết-bàn Bản môn chẳng phải là Niết-bàn của Tích môn. Tích môn là như Đại kinh nói rõ chỗ tích tập của âm thanh và ánh sáng. Ban đầu là các đệ tử và sau cùng là "rắn độc". Với địa vị đệ tử là Bồ-tát có vô biên thân tức lượng thân vô biên há lại có đại sư nằm chịu bệnh thống khổ! Đây là sanh thân thị hiện bệnh tật và hoại diệt chứ Pháp thân không có diệt mất mà thường bất biến. Hoặc giữ lấy "tích không" tức nhân diệt, quả mất để hiện rõ Niết-bàn hữu dư và vô dư. Hoặc nhận lấy thể pháp không với nhân diệt, quả mất để nêu ra Niết-bàn hữu dư và vô dư. Sanh thân thị hiện tích tịch diệt là như trong A-Hàm nói về "thân kiết tập nghiệp do cha mẹ sinh ra. Sau đó, từ bỏ đất nước, vương vị mà suốt sáu năm tu khổ hạnh trong rừng già khiến đoạn trừ ba mươi bốn tâm kết sử để chứng thành đạo quả; tám mươi hai tuổi với thân Tỳ-kheo già đến nhà Thuần-Đà bưng bình bát mà đi khất thực, ăn xong lại thuyết pháp. Sau khi quả báo tuổi thọ đã hết, vào giữa đêm nhập vào Vô dư Niết-bàn rồi dùng lửa thiêu đốt để lưu giữ xá lợi". Đây là tướng Niết-bàn của Phật thuộc Tam tạng giáo. Thích luận nói "Lục địa Bồ-tát đã đoạn sạch Kiến hoặc và Tư hoặc". Thất địa trở đi với thệ nguyện chống đỡ các tập khí còn sót lại nên thọ nhận thân sanh tử cho đến sanh lên Trời, giáng xuống nhân gian, một niệm tương ưng với trí tuệ đoạn trừ tập khí thì liền thành Phật và có thể độ thoát chúng sanh. Khi duyên giáo hóa đã hết liền nhập vào

Niết-bàn vô dư. Đây là tướng Niết-bàn của Phật thuộc Thông giáo. Địa nhân nói "duyên tu hiển bày chơn tu Bồ-đề nên khi quả viên mãn liền thành tựu Đại Niết-bàn hay còn gọi là Niết-bàn thanh tịnh phương tiện". Đại kinh nói "nhân diệt sắc này đạt được sắc thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Đây gọi là sắc giải thoát, thọ, tưởng, hành, thức giải thoát nhưng là nhân tận biến dị, phân đoạn sanh tử nhằm đạt được sự thường trụ ở Niết-bàn hữu dư. Hai xứ ấm và quả thân đã dứt hết nên được thường trụ ở Niết-bàn vô dư cấp độ này khác với cấp độ trước tức là tướng Niết-bàn của Phật thuộc Biệt giáo. Đại kinh nói "Đại bát Niết-bàn thường trụ bất biến có thể Kiến lập nên nhiều cách thị hiện để điều phục chúng sanh". Nói rộng như Thủ Lăng Nghiêm thì Đại bát Niết-bàn có bốn đặc tính: Thường, lạc, ngã, tịnh. Điều này cùng với trước có sự khác biệt tức là tướng Niết-bàn của Viên giáo. Kinh nói "Ngày nay, vô số chúng ở giữa hội với mỗi cách nhìn nhận bất đồng: Hoặc thấy Như-Lai trụ ở đời một kiếp giảm một kiếp, hoặc thấy Như-Lai trụ ở đời vô lượng kiếp; hoặc thấy thân cao một trượng sáu của Như-Lai hoặc thấy thân nhỏ, thân lớn hoặc thấy Báo thân ngồi ở biển thế giới của "Liên hoa tạng" vì trăm ngàn ức Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp môn tâm địa, hoặc thấy Pháp thân đồng với hư không không có sai biệt, vô tướng, vô ngại, biến đồng với pháp giới hư không, hoặc thấy cõi này có rừng cây Sa-la với đất, cát, cỏ cây tường đá, hoặc thấy cõi nước này được vàng bạc, bảy thứ vật báu thanh tịnh trang nghiêm, hoặc thấy cõi này chính là nơi du hóa của ba đời chư Phật, hoặc thấy cõi này tức là một thứ không thể nghĩ bàn: Thể pháp chơn thật thuộc cảnh giới của chư Phật". đây là nêu ra y báo và chánh báo của thân Phật mỗi thứ có bốn tướng: Thường, lạc, ngã, tịnh. Như vậy Đại kinh và kinh này có nghĩa giống nhau. Đại kinh lấy "thường trụ" làm tông như Ca Diếp ban đầu hỏi Phật về tuổi thọ dài lâu và được Phật đáp "trong mỗi nơi đa phần hiển bày thường trụ của vị lai mà ít nêu ra tuổi thọ thành tựu". Vì Pháp Hoa đã nói cho nên kinh kia tuy có một hai chỗ nói tới nhưng không thể phán quyết là gần và thành thọ mạng ngắn. Kinh nay chính là nêu ra sự phát khởi Tích môn và hiển bày Bản môn đồng thời lấy thọ mạng vô lượng làm tông mà ít nói về sự thường trụ trong vị lai. Tuy có một đôi chỗ ít nói đến nhưng cũng không thể phán quyết đó là vô thường. Cả hai kinh đều hỗ tương nêu ra nhưng nếu người có căn tánh lanh lợi thì biết được tuổi thọ của Như Lai vốn thường hằng và vị lai cũng thường hằng. Nếu hiểu được tuổi thọ trong vị lai lâu dài thì cũng hiểu được tuổi thọ xưa nay vốn lâu dài. Nghĩa này, cả hai kinh vốn nêu ra giống nhau. Lại nữa,

"trải qua vô số kiếp hiện sanh hiện diệt" nghĩa là sanh chẳng phải thật sanh và diệt cũng chẳng phải thật diệt tức nghĩa thường trụ được hiển bày. Lại nữa, hai vạn Phật Đăng Minh Ca Diếp đều không nói Niết-bàn mà chỉ trong Pháp Hoa mới nêu ra xưa thường trụ và vị lai cũng thường trụ, càng thấy Pháp Hoa nêu ra nghĩa thường trụ một cách rõ ràng v.v... Vì ba nghĩa nên biết các Niết-bàn đều thuộc Tích môn chứ chẳng phải Bản môn tức là: nay mới nhập vào, nhập lại xuất và bỏ đi phần trung gian. Cho nên, Niết-bàn của Tích môn này đều từ Bản môn mà có thì sao chấp vào Tích môn cho rằng Bản môn thì không biết Tích môn và Bản môn vậy. Nếu loại bỏ Tích môn để hiển bày Bản môn thì hai nghĩa không có mê lầm; Chẳng phải Tích môn, chẳng phải Bản môn mà là một không thể nghĩ bàn.

Thọ mạng diệu căn Bản môn: là Nhân diệu ở trên lấy trí tuệ làm mạng sống. Tuổi thọ này chẳng phải dài chẳng phải ngắn. Do tuệ mạng chẳng phải dài, chẳng phải ngắn nên có thể làm dài, ngắn. Trong đây chính là nói về thọ mạng dài, ngắn chứ không phải là tuệ mạng. Kinh nói "nơi nơi tự nói danh tự bất đồng niên kỷ lớn nhỏ". "Niên kỷ" chính là thọ mạng còn "lớn nhỏ" là dài và ngắn. Phần giữa của kinh nêu ra "nơi nơi với niên kỷ lớn, nhỏ" tức là ước định ở Tích môn mà ngầm chỉ ra Bản môn. Tích môn bất đồng tức là thân do cha mẹ sanh ra thuộc Phật của Tam tạng giáo nên mới có tám mươi hai năm diệt mất với thân hoại trí diệt rốt ráo không sanh lại nữa. Thân thệ nguyện của Phật thuộc Thông giáo, nếu duyên hóa độ đã hết thì cũng trở về hủy diệt. Nếu diệt đã không sanh thì hai vị Phật này chỉ ngang bằng với nghiệp, với duyên mà không thể đạt được tuệ mạng "chẳng phải dài, chẳng phải ngắn" và cũng không thể tạo ra thọ mạng lớn nhỏ, ngắn dài. Bực Đăng Địa của Biệt giáo phá trừ vô minh mà đạt được "một thân của Như Lai biến hiện vô lượng thân". Một thân trạm nhiên an trú và vô lượng thân ở trong trăm thế giới mà làm Phật đồng thời cũng thị hiện thân của chín cảnh giới nên có thể luận là "niên kỷ lớn nhỏ". Lớn tức là tuổi thọ thường hằng của đại thừa và nhỏ là tuổi thọ vô thường của tiểu thừa. Bực Đăng trụ của Viên giáo cũng giống như vậy. Tất cả cấp độ này đều là Bồ-tát thuộc nhân chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, nhưng có khả năng tạo ra tuổi thọ thường, vô thường, lớn, nhỏ huống hồ là hậu tâm và Diệu giác! Như ba nghĩa của tuổi thọ thuộc các cấp độ này đều là tuổi thọ của nhân quả trong Tích môn. Tuổi thọ này đều từ nhân nhân quả viên mãn căn bản địa mà làm lưu xuất Tích môn này. Tích môn đã là như vậy huống gì là Bản môn! Kinh nói "Ta xưa, khi còn hành đạo

Bồ-tát, sự thành tựu thọ mạng đến nay vẫn chưa hết". Đây là chỉ rõ nhân Bản môn. Nhân thọ mạng đến nay vẫn chưa hết huống hồ là quả thọ mạng Bản môn! Nếu chấp trước ở Tích môn tức là không biết Bản môn. Nay loại bỏ Tích môn tức là biết Bản môn và cũng biết hai phạm trù ấy là một không thể nghĩ bàn.

Giải thích về lợi ích diệu căn Bản môn, như văn Kinh nói "đều khiến được vui mừng". Vui mừng tức là tướng lợi ích. Nếu ba thừa trong Tích môn chungvới mười địa hay riêng biệt với mười địa thì khai mở quyền trí mà hiển bày thật trí để xét kỷ địa vị vi diệu nhằm nhập vào địa vị vi diệu. Các lợi ích như vậy cho đến nghe thọ mạng thường làm tăng ích đạo, khiến tổn giảm sanh đều là lợi ích trong Tích môn. Nhẫn đến lợi ích quyền và thật của trung gian cũng là lợi ích của Tích môn. Dùng Tích môn so với Bản môn thì Bản môn cũng tương ứng có lợi ích riêng biệt, viên mãn. Sở dĩ Bồ-tát phương dưới trụ ở hư không, vì đều là lợi ích căn Bản môn cứ trú ở nước Tịnh Quang. Cho nên, Bản môn vốn để hiện ra Tích môn, nhờ Tích môn để biết Bản môn, không cần ghi nhận đầy đủ lại.

1. Ước định giản lược trong ba đời, như văn Kinh nói "lực thần thông tự tại của Như Lai, lực oai thế vững mạnh của Như Lai, lực sư tử phấn tấn của Như Lai" tức là văn trình bày lợi ích cho chúng sanh trong ba đời. Nếu pháp quyền và thật ở lúc "đầu tiên" trong quá khứ đã chứng gọi là Bản môn thì từ chứng đạt Bản môn rồi sau đó dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh khai mở ba thừa mà hiển bày một thừa, phát khởi Tích môn mà hiển bày Bản môn tức trở lại chỉ rõ "đầu tiên" làm Bản môn. Ở khoảng trung gian thị hiện phát khởi Tích môn để hiển bày Bản môn tức cũng chỉ ra "đầu tiên" làm Bản môn. Ngày nay, phát khởi Tích môn để hiển bày Bản môn tức cũng chỉ ra "đầu tiên" làm Bản môn. Trong tương lai, việc phát khởi Bản môn để hiển bày Tích môn tức cũng chỉ ra "đầu tiên" làm Bản môn. Tuy nhiên trong ba đời đều có sự khác biệt. Phật Tỳ Lô Giá Na chỉ có một Bản môn không khác, như cành lá đồng hướng đến một gốc rễ v.v..

Hỏi: Hiện thấy vô lượng Phật đều là phân thân của Thích Ca, là tương ưng vẫn còn có Phật khác và Phật khác ấy có phân thân hay không?

Đáp: Phổ Hiền Quán nói "ở Đông Phương có Phật danh hiệu là Thiện Đức. Phật ấy cũng có các Phật phân thân". Nếu như vậy thì cũng có chư Phật và chư Phật cũng có phân thân của mình. Lại nữa, phẩm Thần Lực nói "tằng hắng cùng chung khảy móng tay, hai tiếng vang đó

khắp đến cõi nước của các đức Phật trong mười phương". Đức Phật kia được bốn chúng từ xa bày tỏ cúng dường, đem "các vật rãi cúng từ mười phương đến thí như tuyết rơi, đầy khắp trên các đức Phật trong đây" cho nên biết có chư Phật và phân thân của chư Phật.

Hỏi: Ba đời chư Phật đều có phân thân thì sao lại nói: "toàn thân của đức Phật Đa Bảo không có tan biến như nhập vào thiền định? Nếu toàn thân không tan biến thì sao lại nói "dạo qua khắp mười phương để chứng nghe kinh Pháp Hoa?" Như vậy hai ý ấy làm sao thông suốt được?

Đáp: Trong phần niệm Phật của Thích Luận nói: "đức Đa Bảo không có người thỉnh thuyết pháp nên bèn nhập Niết-bàn. sau đó hóa hiện thân Phật và tháp bảy báu để chứng nghe kinh Pháp Hoa". Nếu căn cứ vào luận giải thích thì sự hóa hiện ấy là tạo ra toàn thân nhưng chẳng phải không có phân thân. Sư nói "nếu nói không thể thuyết pháp thì sao lại bảo: Sau khi ta diệt độ, bốn chúng hãy xây một tháp lớn" tức không phải hoàn toàn Phật Đa Bảo không thuyết pháp mà chính xác là không thuyết kinh Pháp Hoa. Cho nên, mới phát thệ nguyện lớn không hủy hoại cốt nhục sanh thân. Toàn thân không tan biến xuất hiện để chứng minh kinh Pháp Hoa viên mãn. Như nhập vào thiền định là biểu hiện không diệt mất xuất hiện, chứng minh kinh Pháp Hoa thường trụ. Tức tiêu biểu đối với không thiên lệch, nghĩa viên thường không thiên lệch, không mất đi hiển bày miệng xướng nói pháp lớn chơn thật và thanh tịnh thường trụ. Đây là lược nêu ra hai đức: Ngã Lạc có thể biết. Người có căn tánh chậm lụt thì đọc văn nhưng tự mình lại không hiểu.

Hỏi: Ba đời chư Phật đều hiển bày Bản môn tức là "đầu tiên" thật sự thành tựu hoặc vì hiển bày Bản môn?

Đáp: Không hẳn đều hiển bày Bản môn. Nay tạo ra có nghĩa tức lấy Diệu giác "đầu tiên" để chỉ ra "Sơ trụ" làm Bản môn. Nếu "Sơ trụ" được thêm Diệu giác thì củng chỉ ra "Sơ trụ" làm Bản môn. Trước Sơ trụ thờ gian vốn không có chỗ chỉ ra, không gian thì có thể dụng tức chỉ ra thể, há chẳng phải là Bản môn ư? Lại nữa, vì phát nguyện cho nên nói tuổi thọ dài xa như văn kinh v.v... Lại giải thích: Phật tối sơ tuy không có khả năng hiển bày Bản, Tích của quyền thật từ rất lâu xa đến nay, nhưng có khả năng hiển bày Bản, Tích của thể dụng giáo hành lý giáo sự lý v.v... Nếu tạo ra vô nghĩa hoặc tối sơ mới thành Phật và đã mới được Bản môn thì chưa luận về thị hiện tích, không có Tích môn lâu xa có thể phát khởi và không có Bản môn lâu xa có thể hiển bày v.v... Nếu thành Phật từ lâu xa như theo thông lệ của Phật Thích Ca thì lấy

Đông phương làm thí dụ, hoặc lâu ở đây tức lấy bốn phương làm thí dụ, lấy mười phương làm thí dụ. Nếu gần đây thì tức lấy giảm Đông phương làm thí dụ. Nếu vốn là "không" thì không có làm thí dụ v.v...

Hỏi: Nếu thật sự mới bắt đầu thành tựu, không có Bản môn lâu xa có thể hiển bày thì tại sao Kinh nói "đó là phương tiện của Ta và chư Phật cũng như vậy"?

Đáp: Tuy không có Bản môn dài lâu nhưng nếu cần dùng phương tiện thì Phật có kéo dài, thu ngắn kiếp trí có thể diễn nói bảy ngày làm nghĩa của kiếp vô lượng v.v...

Hỏi: Phật nếu lâu thành hay mới thành, có phát khởi Tích môn và không phát khởi Tích môn thì cũng ứng hợp có khai mở ba thừa để hiển bày một thừa và không khai mở ba thừa để hiển bày một thừa? Đáp: Nếu Bồ-tát và Thanh văn chung làm Tăng thì tức có việc khai mở ba thừa để hiển bày một thừa. Nếu thuần túy Bồ-tát làm tăng thì cần gì phải khai mở ba thừa!

Hỏi: Nếu không khai mở ba thừa để hiển bày một thừa thì chương năm Phật trong kinh tại sao nói?

Đáp: Vì đồng là Thanh văn, Bồ-tát cùng làm Tăng nên Phật xuất hiện ở đời năm trược có thể như vậy. Nếu Phật xuất hiện ở cõi nước thanh tịnh thì không như vậy.

Hỏi: Phá mười thô để hiển bày mười thứ diệu tức là hoặc chướng vô minh diệt hết, lý một chơn thật rõ bày, nay lại phá sự vi diệu của Tích môn thô, để hiển bày Bản môn là diệu thì như vậy phá hoặc nào để hiển bày lý nào?

Đáp: Vô minh có vô số rất nhiều còn biển Thật tướng sâu xa vô lượng. Như việc phá trừ và hiển bày này không có sai lầm.

Hỏi: Nếu như vậy là trở lại dùng diệu phá trừ diệu, diệu của bị phá trừ là diệu mà lại thô thì cũng tương ưng trở lại dùng thô phá trừ thô, thô bị phá là thô lại là diệu, tức bốn trụ hoặc bị phá trừ theo như trên nói cũng nên thành diệu?

Đáp: Căn cứ ở Đốn giáo để nói rõ nghĩa thì chỉ đối với bốn trụ chính là hướng về diệu, huống hồ trí phá bốn trụ há chẳng phải diệu sao!

Hỏi: Nếu như vậy thì chỉ có nghĩa Đốn giáo mà không có nghĩa của Tiệm giáo?

Đáp: Nếu phân biệt « Đốn" và "Tiệm" thì năng sở của "Tiệm" đều thô, năng sở của "Đốn" đều diệu v.v...

Hỏi: Trung gian có "quyền" "thật" thiên lệch và viên mãn nhưng

đồng gọi là "quyền" cũng nên đồng gọi là thiên lệch ư?

Đáp: Nghĩa thông suốt thì như vậy nhưng nghĩa riêng biệt thì không vậy. Nếu căn cứ ở các pháp thì pháp thiện lệch hay viên mãn đã nhất định, cho nên thiện lệch không phải viên mãn, viên mãn không phải thiên lệch. Nhưng quyền thật là xét theo giáo; tất cả sự thiết lập trong tích giống nhau và đều là giả tạm, nên căn cứ nghĩa giả tạm mà luận làm quyền đó thôi.

Hỏi: Đã có diệu kèm theo thô, lại có diệu không kèm theo thô, cũng nên có thô kèm theo diệu và thô không kèm theo diệu?

Đáp: Điều này tương ứng với bốn câu: Diệu kèm theo (mang)thô tức là Biệt giáo, Diệu không kèm theo thô tức là Viên giáo, thô kèm theo Diệu tức là Thông giáo, thô không kèm theo Diệu tức là Tam tạng giáo. Lại nữa, Diệu kèm theo thô như Thông giáo, Diệu không kèm theo thô là như Viên giáo, Diệu cũng kèm theo thô, cũng không kèm theo thô là như Biệt giáo, Diệu không phải kèm theo thô, không phải không kèm theo thô là như Viên giáo tiếp nối Biệt giáo hay Viên giáo và Biệt giáo tiếp nối Thông giáo. Nếu ước định ở năm vị giáo thì thô không kèm theo diệu tức như vị Lạc, diệu không kèm theo thô tức như vị Đề hồ, cũng kèm thô cũng không kèm thô là như vị Sanh tô và Thục tô; không phải kèm theo thô cũng chẳng phải không kèm theo thô là như vị Nhũ v.v...

Hỏi: Hai loại thô đã bất đồng sao bỗng nhiên đồng gọi là thô?

Đáp: Vì theo sự có sâu cạn nên phân làm hai, đều chẳng phải lý diệu cho nên đồng gọi là thô.

Hỏi: Vậy tương ưng với "thật" có kèm phương tiện và « thật » không kèm phương tiện ư?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Cũng nên có "một" kèm theo hai, và duy nhất một không kèm theo hai ư?

Đáp: Đúng vậy. Nếu luận thông suốt thì Bản môn và Tích môn chỉ là quyền và thật còn luận riêng biệt cao, thấp thì thích ứng với việc dùng Bản môn và Tích môn. Nếu luận rộng ra về chơn và ngụy thì nên dùng quyền và thật. Bản môn và Tích môn là ước định ở thân và địa vị còn quyền và thật là ước định ở trí và giáo v.v...

Hỏi: Mười thứ diệu căn bản địa được ước định ở sáu lớp nghĩa Bản môn và Tích môn thì thuộc nghĩa nào?

Đáp: Chẳng phải xưa, hiện nay và trung gian mà chính là thể dụng, giáo hành, lý giáo v.v... cùng luận về mười thứ diệu.

2. Phán quyết thô và diệu: Trong Tích môn đã có được mười thứ thô làm thô thì mười thứ diệu làm diệu, chưa khai mở mười thứ thô làm thô và khai mở mười thứ diệu làm diệu, đầy đủ như trước nói. Trong Tích môn, nếu thô, diệu đối đãi nhau hoặc khai mở thô, diệu thì diệu ấy không khác với diệu căn Bản môn. Nhưng nói "mới đạt được" thì mới đạt được ấy chính là thô. Trong Bản môn, trước tiên thành tựu hoặc thô hoặc diệu, hoặc khai mở thô, diệu thì cũng không khác với diệu của Tích môn, mà trước tiên đạt được ấy chính là diệu. Lại nữa, sự, lý mới đạt được trong Tích môn là thô, sự lý trước tiên đạt được trong Bản môn là diệu. Lý giáo, giáo hành, thể dụng, quyền thật v.v... trong Tích môn cũng giống như vậy. Nếu chưa phát khởi Tích môn hiển bày Bản môn thì chỉ hiểu được thô và diệu của lý sự trong Tích môn. Rốt cuộc không thể hiểu nổi sự thô trong Bản môn huống hồ hiểu được lý diệu căn Bản môn! Điều này Di Lặc còn không thấu đạt huống gì là người khác! Nếu phát khởi lý sự trong Tích môn tức là hiển bày lý sự trong Bản môn, cũng như biết nhờ vào lý sự trong Bản môn nên có thể thị hiện lý sự trong Tích môn. Vì Tích môn đã do Bản môn mà có nên diệu căn Bản môn và thô của Tích môn đã có sự sai khác căn bản và tích, do vậy nói "thô diệu" Lý diệu tức chẳng phải Tích môn cũng chẳng phải Bản môn mà là một không thể nghĩ bàn. Lý giáo, giáo hành, thể dụng, quyền thật xưa nay cũng như vậy.

3. Nói rõ quyền, thật tức là: Chiếu soi cảnh giới của mười thứ thô ở trong Tích môn làm quyền, chiếu soi cảnh của mười thứ diệu trong Tích môn làm thật cho đến sự chiếu soi trong ba đời của phần trung gian với cảnh của mười thứ thô làm quyền và cảnh của mười thứ diệu làm thật. Hoặc là quyền hoặc thật thì đều là Tích môn. Vì Tích môn cho nên gọi là quyền. Như vậy, ở trung gian có vô lượng thứ quyền, thật không thể nói hết được. Kinh khác còn không có một lượt quyền của trung gian huống hồ một lượt thật! Còn không có một lượt quyền, thật của trung gian huống hồ vô lượng lượt! Còn không có quyền, thật của trung gian huống hồ có quyền, thật căn bản địa! Quyền, thật của trung gian đều gọi là quyền còn gọi sự chiếu soi mười thô, mười diệu ban đầu căn Bản môn đều được gọi là thật. Nên biết, quyền của Tích môn và thật căn Bản môn đều không thể nghĩ bàn. Sự không thể nghĩ bàn tức là pháp tánh. Lý của pháp tánh chẳng phải xưa chẳng phải nay, chẳng phải Tích môn, chẳng phải Tích môn, chẳng phải quyền, chẳng phải thật, mà chỉ dùng pháp tánh này mà luận căn Bản môn, Tích môn, quyền trí, thật trí, thô và diệu, chỉ dùng văn tự thế tục nói mà có quá khứ, hiện tại và

tương lai chứ không phải Bồ-đề có quá khứ, hiện tại và tương lai. Lại nữa, việc phân biệt quyền trí và thật trí có ba loại: Tự hành, hóa tha, tự hành và hóa tha. Điều này đầy đủ như trong phần nói cảnh diệu. Hai trí quyền và thật của Phật tự hành ở bản địa đã khế hợp thì gọi là quyền trí và thật trí thuộc tự hành của Phật. Từ xưa đến nay cho đến tại vườn Lộc Uyển dùng nhiều loại phương tiện tùy theo ý của chúng sanh mà nói tức nói trí này hoàn toàn chuyển biến không có giới hạn (vô phương) cho nên gọi là hai trí: quyền và thật hóa tha của Phật. "Hóa tha" tùy có hai loại nhưng đều gọi là quyền trí, "Tự hành" tùy có hai loại nhưng đều thuộc thật trí. Riêng "tự hành và hóa tha" chính là kết hợp cả thật trí và quyền trí mà nên ra. Lại nữa, trong Tích môn căn cứ thật trí để thiết lập quyền trí nhưng ý nằm tại thật trí mà thật trí thì khó thấu triệt được. Vì sao? Vì "hóa thành" là quyền biến mà người chấp cho đó là thật nên không biết quyền trí cũng không biết thật trí. Nếu phế bỏ quyền trí để hiển bày thật trí thì ý nằm ở quyền trí và quyền trí tức dễ hiểu. Vì sao? Vì đã biết một sự việc "hóa thành" là quyền trí của Phật tức thấu đạt khắp hằng hà sa Phật pháp, xa thì thông suốt phương tiện nhiều kiếp. Do vậy, trong Hoa nghiêm nói "vì A-bề-bạt-trí" phần nhiều nên ra "sự số" tức chính ý này. Nếu khai mở quyền trí để hiển bày thật trí là thấu đạt pháp sự và ý quyền trí liền dứt đồng thời cũng không lìa quyền trí mà xa cầu thật trí. Lúc ấy, quyền trí tức là thật trí chứ không có quyền trí riêng biệt. Cho nên, nói "khai mở quyền trí để hiển bày thật trí". Trong Tích môn vốn có ba ý, như Tích môn này do Bản môn mà lưu xuất ra và Bản môn cũng như vậy. Bản môn và Tích môn tùy khác biệt nhưng đều là một không thể nghĩ bàn v.v...

4. Lợi ích: Trước tiên nói rõ lợi ích của sanh thân, kế đến nói rõ lợi ích của Pháp thân. Nên biết, hai nơi của sanh thân đều đạt được lợi ích. Tích môn gom ba thừa trở về một thừa để khai mở quyền trí, hiển bày thật trí. Sanh thân của Bồ-tát đạt được lợi ích là đối với mười thứ diệu mà đạt được lợi ích năm diệu. Vì sao? Vì Cảnh diệu thì thông suốt có đủ tất cả, Thừa diệu là rốt ráo riêng ở Phật, Cảm ứng, Thần thông, Thuyết pháp diệu đều là lợi ích ở trên quả. Nếu chưa chứng quả thì không luận được lợi ích này. Nếu xét địa vị "sáu tức" thì đạt được lợi ích của "bốn tức": Lý tức, cứu cánh tức, theo thông lệ như trước. Tùy nhiên, chỉ đạt được "danh tự tức Trung đạo" với trí, hạnh, vị, quyến thuộc, công đức cho đến "phần chơn tức Trung đạo". Trí, hạnh, vị, công đức là như Thân Tử được thọ ký. Lúc này, bốn chúng trời, rồng vui mừng mà nói kệ rằng "Đại trí Xá Lợi Phất, nay được Phật thọ ký, chúng ta cũng như

vậy, ắt sẽ được làm Phật" tức là sanh thân Bồ-tát. Nghe thuyết pháp thuộc Tích môn mà đạt được tướng lợi ích. Việc phát khởi Bản môn để hiển bày Tích môn tức nói tuổi thọ dài xa của Phật, quán Tam-muội của Phật mà được tăng trưởng lớn. Theo đây, cũng có sanh thân Bồ-tát đạt được năm thứ lợi ích trong mười thứ diệu, bốn thứ lợi ích trong "sáu tức", làm tổn giảm sanh và tăng trưởng đạo v.v... Từ bậc "Nhị trụ" cho đến nhất sanh đều là Pháp thân đạt được năm thứ lợi ích. Vì sao? Vì ứng sanh nghe công đức căn bản địa rồi quán Tam-muội của Phật chuyển biến thở nên sâu rộng không thể đo lường, không thể so sánh lợi ích của Tích môn trước nay. Vì sao? Vì cảnh giới của Phật chuyển thành công đức sâu xa và lớn lao. Do vậy, Phẩm Phân Biệt Công Đức nói "Phật nói pháp ít có, từ xưa chưa từng nghe, Thế Tôn có sức lớn, thọ mạng chẳng thể lường, nói đặng pháp lợi đó, vui mừng đầy khắp thân, hoặc trụ bậc Bất thoái, hoặc đặng Đà-la-ni". Đây tức là đạt được tướng lợi ích của sanh thân và Pháp thân. Nếu luận về sự đạt được lợi ích của đạo thật thì hai thân không sai khác nhưng sự và dụng của quyền trí không thể so sánh cùng nhau. Ví như Tuệ giải thoát và Câu giải thoát, vô lậu không thể là hai, nhưng công đức thì có hơn và kém. Trước đây, sự đắc đạo của Tích môn chỉ bằng với "pháp nhẫn vô sanh" còn sự đắc đạo căn Bản môn ngang bằng với "nhất sanh". Việc lấy vi trần làm số nhiều, ít, sâu, cạn há đồng với trước! Cho nên, cần phải chọn lựa ở văn kia, từ vị phát tâm tức là "sáu căn thanh tịnh" cho đến "nhất sanh" còn lại tức thuộc phần chơn sau cuối hết v.v... Lại nữa, lợi ích của sự lưu thông kinh nghĩa là trước lưu thông Tích môn tức chỉ cho các Bồ-tát phát lời thệ nguyện và các A-la-hán được thọ ký ở cõi này, hoặc cõi khác mà hoằng truyền kinh, luận về công đức của họ nếu xem trong văn kinh thì chỉ nói rõ lợi ích ẩn chứa chứ không nói rõ lợi ích hiển lộ. Nay nói về Bản môn tức giao phó tất cả pháp sở hữu của chư Phật kiêm được luôn các pháp thuộc Tích môn tạng pháp sâu rộng, bí mật chính là Thật tướng của Tích môn và Bản môn. Tất cả sự việc rất sâu chính tức là nhân quả trong Bản môn và Tích môn. Tất cả pháp như đây, giao phó cho Bồ-tát trong ngàn thế giới vi trần tức địa Pháp thân hoằng truyền kinh thì đâu chỉ như sanh thân ở cõi này và cõi khác hoằng truyền kinh ư? Ở mười pháp giới hân du hóa các cõi nước tức có hai thứ lợi ích ẩn và hiện vậy. Có người nghi ngờ rằng "Pháp thân thường có Phật thì cần gì đến Bồ-tát hoằng truyền?" Nhưng hoằng truyền kinh ở nhơn gian có đợi thời, đợi bạn. Như Phật tùy còn ở đời nhưng Văn Thù đi vào Long cung. Pháp thân tùy có Phật nhưng lại cần đến ngoại duyên cho nên Phật phó chúc

bằng miệng nói, tay xoa đầu với nhiều thứ tướng mạo ân cần, khuyên bảo, nhắn nhủ, giao phó khiến hoằng truyền pháp này để được vô lượng công đức vi diệu. Nếu người nào nghe được thì lợi ích vi diệu ấy không thể tính đếm đo lường. Do vậy văn kinh nói: "khi nghe Phật nói về thọ lượng, tất cả đều vui mừng và đạt được vô lượng quả báo công đức vô lậu" tức là ý này.

5. Quán tâm: Sự dài xa vi diệu căn Bản môn há có thể quán tâm! Tùy không là ngay nơi tâm mà cũng không thể lìa tâm (bất tức bất ly). Vì sao? Vì Như của Phật và Như của chúng sanh là "nhất như" không có hai Như riêng biệt. Phật đã quán tâm đạt được sự vi diệu căn Bản môn này và dụng rộng lớn của Tích môn không thể nói hết, mà Như của ta cũng giống với Như của Phật thì cũng phải quán tâm để làm lưu xuất lợi ích lớn này và đồng thời nguyện cho Như của ta nhanh chóng đồng với Như của Phật. Do vậy, văn kinh nói "nghe thọ mạng của Phật, thoáng chốc tâm tin sâu, phước đây hơn phước kia,... nguyện ta thuở vị lai, sống lâu độ chúng sanh, như Thế Tôn ngày này, vua trong các họ Thích, đạo tràng rền tiếng lớn, nói pháp không sợ sệt, chúng ta đời vị lai, được mọi người tôn kính, lúc ngồi nơi đạo tràng, nói thọ mạng cũng thế". Đây tức là quán tâm bản diệu, đạt được tướng lợi ích của "sáu thứ tức" v.v...

Hỏi: Sao gọi là diệu đại (lớn)?

Đáp: Đây tương ưng với ba căn, sáu câu phân biệt v.v... Văn kinh nói "Phật tự tại ở đại thừa", lại nói "quả báo lớn như vậy", hoặc nói "có cổ xe lớn" mà tựa đề gọi là diệu. Như Niết-bàn nói "Đại bát Niết-bàn là kinh điển vi diệu". Mà tựa đề gọi là đại. Đó: Tức diệu là đại và tức đại là diệu. Đại Phẩm nói "Sắc chẳng phải sâu, chẳng phải diệu cho đến thức chẳng phải sâu, chẳng phải diệu". Đây tức là đại phá diệu. Văn này nói "Tất cả pháp không tịch, vô lậu và vô vi, không lớn củng không nhỏ" tức là diệu mà phá đại. "Như đại A-la-hán" đây là đại còn tu ở diệu. Như diệt chỉ là Diệu, Ly nghĩa là diệu này còn tu đại nữa v.v...

Hỏi: Nếu diệu và đại là một bằng nhau thì kinh khác đều nên gọi là diệu?

Đáp: Kinh khác luận thông suốt ước định ở lý thì đại và diệu không có sai khác nhưng nếu luận riêng biệt gánh vác phương tiện thì có sai khác. Kinh này không có vướng ở phương tiện nên riêng gọi là diệu. Do tiểu thừa và đại thừa đều nhập vào để pháp khởi Tích môn mà hiển bày Bản môn cho nên riêng biệt gọi là diệu.

Hỏi: đại thừa và tiểu thừa đều gọi là diệu, đều nói rõ thường hằng,

một phen dò xét điều đó v.v... tiểu thừa diệt chỉ là Diệu, Ly nên tên đồng mà lý khác, không đạt được thường này nên đều nói không thể đạt được diệu này?

Đáp: Diệu vốn không thể nghĩ bàn. Nếu tiểu thừa chứng Chơn đế khiến "vong ngôn tuyệt lự" thì thông đạt được sự không thể nghĩ bàn nên thông gọi là diệu.

Lại nói: Ví như đúng như vậy thì cũng có thể lấy ba thứ vô vi gọi là thường mà thường có khác nhau. Lại đều gọi là thường cũng đều hội nhập làm một?

Đáp: Gom các cái thấy đồng nhập vào chơn thật nhưng sự hội tụ ấy lại có khác nhau. Lại đều vô thường, đều thô, đều không hội tụ chăng? Giống như tuy thông suốt mà nghĩa có khác. Vì sao nói đại thừa vô thường? đại thừa chẳng những không có vô thường mà cũng không ở trong thường hằng. Vì không có ở trong thường hằng cho nên nói là vô thường. Sao nói đại thừa là thô? Vì hễ có ngôn thuyết tức gọi là thô. Sao nói đại thừa không hội nhập? Vì tất cả các pháp đều là Phật pháp nên hội nhập ở chỗ nào! v.v...

Việc giải thích về "liên hoa" bao hàm có bốn ý. 1. Quyết định thí dụ pháp; 2. Dẫn các giải thích xưa; 3. Nêu ra kinh luận; 4. Chánh giải thích.

1. Quyết định thí dụ pháp nghĩa là vì quyền và thật khó hiển bày nên mới mượn hoa sen làm thí dụ tức thí dụ cho diệu pháp. Lại nữa, văn nói bảy thí dụ nhiều cho nên lấy thí dụ mà đặt tựa đề cho kinh. Lại giải thích rằng "Hoa sen chẳng phải dụ cho đương thể" mà được gọi tên đủ loại: lúc sơ khai, vạn vật không có tên gọi nhưng Thánh nhơn quán sát lý, chuẩn theo đó tạo nên tên gọi. Như nhìn thấy con nhện kéo tơ bắt chước theo nó mà con người dệt nên tấm lưới, như thấy cánh buồm bay một mình vận chuyển mà tạo ra xe cộ, thấy khúc gỗ trôi nổi giữa dòng nước mà lập nên con thuyền bè, thấy vết tích của chim bay tạo thành văn mà viết chữ. Tất cả đều dùng lý của pháp để chế ra sự. Nay, tên gọi hoa sen chẳng phải là giả dụ mà là pháp môn của Pháp Hoa. Do pháp môn Pháp Hoa thanh tịnh với nhân quả vi diệu nên gọi pháp môn này là "liên hoa" (hoa sen) tức tên gọi của đương thể Pháp Hoa Tam-muội chứ chẳng phải thí dụ. Kinh khác đa phần tự giải thích tên gọi. Kinh này không có giải thích nên hoặc là văn kinh chưa lột tả hết! Tùy nhiên, hai cách giải thích này đều có đạo lý nên nay mới dung hợp cả hai ý.

Hỏi: Liên hoa, nhất định là liên hoa của Pháp Hoa Tam-muội hay nhất định là "liên hoa" của cỏ hoa?

Đáp: Nhất định là liên hoa của pháp. Vì pháp liên hoa khó hiểu cho nên lấy cỏ hoa làm thí dụ. Nếu người có căn tánh lanh lợi thì ngay nơi tên gọi mà hiểu được lý không cần mượn thí dụ và chỉ hiểu theo Pháp Hoa. Bậc trung căn và hạ căn chưa ngộ cho nên cần phải nương vào thí dụ mới hiểu được. Lấy hoa sen dễ hiểu để thí dụ cho hoa sen pháp khó hiểu, cho nên mới có ba chu thuyết pháp phù hợp cả thượng, trung và hạ căn. Nếu là bậc thượng căn thì nói tên pháp, đối với hạ căn và trung căn thì nói tên thí dụ. Nếu hợp ba căn mà cùng luận bàn thì nêu ra thí dụ pháp. Như cách giải thích này thì ai có thể tranh cãi! Nay chỉ nương vào thí dụ pháp mà giải thích.

2. Các giải thích xưa gồm có các quan điểm như sau: Ngài Duệ Sư viết bài tựa nói: "chưa có nở ra gọi là Quật-ma-la, sắp rụng gọi là Ca-ma-la, thời gian giữa phát triển mạnh gọi là Phân-đà-lợi". Sư Viễn nói "Phân-đà-lợi-dà là dụ cho hoa sen nở. Tùy nhiên khi thể biến đổi thì tùy vào sắc biến hiện nên có ba tên gọi". Đại kinh cũng nói "con người thường gọi hoa sen là hoa Phân-đà-lợi. Hai tên gọi đều được ở đầu đề tức nên có nghĩa chung và riêng khác nhau. Nay gọi hoa sen là theo cách nói chung còn Phân-đà-lợi là theo cách nói riêng biệt". Ngài Đạo Lãng nói "màu trắng tươi đẹp hoặc dịch là sắc màu đỏ, hoặc dịch là rất thơm". Như đây đều là nghĩa nói về hoa sen đang lúc nỡ rộ. Nêu ra Phân-đà-lợi tức kiêm luôn nghĩa đó vậy.

Hỏi: Trong bản tiếng Phạm nên ra tên riêng biệt, phương này (Trung Hoa) dùng thông suốt với tên nào?

Đáp: Ngoại quốc có nêu ra tên gọi của ba thời nhưng Trung Quốc thì không có mà chỉ nêu lên tên gọi chung nhưng thông luôn cả tên riêng biệt. Có cách giải thích khác cho rằng "hoa sen" có mười sáu nghĩa như sau: Hoa sen từ duyên sanh ví như Phật tánh từ duyên khởi, hoa sen có thể sanh ra phạm vương ví như từ duyên sanh ra Phật, hoa sen sinh ra từ bùn dơ ví như sự hiểu biết khởi lên từ sanh tử, hoa sen là điềm lành khiến ai thấy cũng sanh tâm hoan hỷ ví như thấy người thành Phật, hoa sen từ sự nhỏ nhiệm cho đến rực rỡ ví như một lạy, một niệm đều được làm Phật, hoa sen có nhân quả đồng thời ví như nhân quả đều đầy đủ, hoa ắt là liên ví như nhân ắt làm Phật, hoa sen ví như dẫn nhập vào thế giới liên hoa, hoa sen là nơi Phật bước đi lên ví như các Thánh thác sanh. Mười thí dụ này chỉ là giống như ý ví dụ trong Hành diệu của Luận này đó thôi. Hoa sen sanh ra từ bùn dơ không nhiễm bùn nhơ ví như một thừa ở trong ba thừa mà ba thừa không nhiễm ở một thừa, hoa sen ở trong ba thời khác nhau ví như khai mở ba thừa mà chỉ là một

thừa, hoa sen có khép, có nở ví như đối với duyên mà có ẩn có hiện, hoa sen là tối thắng trong các loài hoa ví như Đệ nhất trong các thuyết, hoa nở quả hiển lộ ví như khéo nói khiến lý hiển bày, hoa sen có ba thời khác nhau ví như quyền thật và thích ứng các thời. Sáu thí dụ này chỉ là giống như ý trong phần "Thuyết pháp diệu" của Luận này.

Như Ngài Quang Trạch nói "Các loài hoa khác thì hoa và quả không có mặt cùng một lúc, Ví như kinh khác thiên lệch nói rõ có nhân quả trước sau. Riêng loại hoa sen này thì hoa và quả đều xuất hiện cùng thời tức ví cho kinh này đồng nói về nhân quả: Ở đệ tử là nêu ra nhân đối với thầy nói lên quả. Cho nên mượn hoa sen làm ví dụ".

Nay cho rằng cách giải thích này, lời lẽ tóm lược mà nghĩa thiên lệch! Như thầy và đệ tử ở Tích môn thì mỗi người đều có nhân quả riêng biệt. Văn kinh nói "Ta thực hành hết đạo pháp của chư Phật vốn có, ngay nơi đạo tràng mà thành chánh quả" tức là nhân và quả của thầy. "Gom ba thừa quy về một thừa" tức là nhân của đệ tử; còn "được thọ ký làm Phật" là quả của đệ tử. Văn nói Bản môn thì "Ta xưa khi hành đạo Bồ-tát" tức là nhân của thầy còn "từ Ta thành Phật đến nay rất là lâu xa" tức là quả của thầy. "Ta xưa giáo hóa hàng mới phát tâm" tức là nhân của đệ tử, còn "nay đều trụ bậc Bất-thoái, ắt sẽ được làm Phật" là quả của đệ tử. Nghĩa kia thiên lệch sơ sài nên không dùng đến. Vả lại để hỗ trợ thành tựu lời nói của Ngài Quang Trạch giống như sắc pháp của Tứ vi không tương đương với nghĩa "hoa" và "sen" mà lại dựa theo Tứ vi để luận hoa và sen! Nay, lý Thật tướng không tương đương nhân quả của Tích môn và Bản môn mà lại dựa theo lý để nói rõ nhân quả Bản, Tích! Hơn nữa, Tứ vi không đúng với nghĩa hoa sen khép, nở mà dựa theo đó luận về khai và hợp! Thật tướng không thể tương đương quyền trí và thật trí mà lại ước định ở Thật tướng để luận về khai mở quyền trí hiển bày thật trí, phát khởi Tích môn và hiển bày Bản môn! (Tứ vi là sắc, hương, vị, xúc)

3. Dẫn ra kinh luận: Pháp Hoa luận trình bày gồm có mười bảy tên gọi. 1. Vô lượng nghĩa; 2. Tối thắng; 3. Đại lực đẳng; 4. Pháp giáo hóa Bồ-tát; 5. Phật sở hộ niệm; 6. Tạng bí mật của chư Phật; 7. Tạng pháp của tất cả chư Phật; 8. Chữ bí mật của tất cả Phật; 9. Sanh ra tất cả Phật; 10. Đạo tràng của tất cả Phật; 11. Nơi chuyển pháp luân của tất cả Phật;12. Xá lợi kiên cố của tất cả chư Phật; 13. Phương tiện khéo léo lớn lao của chư Phật; 14. Nói một thừa; 15. An trú Đệ nhất nghĩa; 16. Diệu pháp liên hoa; 17. Pháp môn thu nhiếp vô lượng danh tự, cú thân, Tần Bà La, A-xiểm-bà v.v... Ngoài ra, tên gọi Luận thảy đều không có

giải thích mà chỉ liệt kê mười bảy tên gọi như vậy. Kế đến, giải thích hai chữ "hoa sen" gồm có hai nghĩa: 1. Nghĩa ra khỏi nước: Không thể ra hẳn cách ly nước nhơ đục của tiểu thừa. Lại có nghĩa hoa sen thoát ra khỏi nước bùn để thí dụ cho hàng Thanh văn nhập vào trong đại chúng của Như Lai như các Bồ-tát ngồi trên hoa sen để lắng nghe thuyết về cảnh giới thanh tịnh của trí tuệ vô thượng mà chứng đạt tạng bí mật của Như Lai; 2. Nghĩa hoa nở tức chúng sanh đối với đại thừa thường có tâm khiếp nhược nên không thể sanh khởi tín tâm, nhưng nhờ Như Lai khai mở Pháp thân thanh tịnh vi diệu nên khiến họ sanh khởi tín tâm. Nay giải thích về ý luận tức luận nói khiến chúng sanh thấy được Pháp thân thanh tịnh vi diệu thì đó là dùng nhân vi diệu khai phát làm "hoa sen"; Nếu nói nhập trong đại chúng của Như Lai để ngồi trên hoa sen thì đấy là dùng cõi nước thuộc quả báo vi diệu làm hoa sen. Vì sao? Vì Phật Lô Xá Na cư ngụ tại biển tạng liên hoa cùng với chúng đại Bồ-tát đều chẳng phải là người của sanh tử. Nếu Thanh văn được nhập vào đó thì chính là lấy cõi nước thuộc quả báo vi diệu làm hoa sen. Luận kia so với ý nay tức là hai diệu Hành và Vi đó vậy. Đại tập nói "Rũ lòng thương là cọng sen, trí tuệ là lá sen, Tam-muội là nhụy sen, giải thoát là nở ra. Ong chúa Bồ-tát thường hút mật "cam lồ", con nay kính lễ hoa sen Phật". Lại nữa, lấy giới, định, tuệ, Đà-la-ni làm châu Anh-lạc để trang nghiêm Bồ-tát". Nay giải thích kinh tức là Bồ-tát nắm bắt hết bốn pháp thành tựu nhưng giả danh gọi là con người, như ong ở tại hoa. Lại dùng bốn pháp trước tự nuôi sống như ong hút mật hoa.

4. Chánh giải thích tức nếu y cứ vào Đại Tập thì nhân quả của pháp hành làm hoa sen. Bồ-tát ngự ở trên đó tức là nhân của hoa còn lễ lạy hoa sen Phật tức là quả của hoa. Nếu nương vào Pháp Hoa Luận thì lấy cõi nước y báo làm hoa sen. Lại do Bồ-tát tu hạnh "hoa sen" nên quả báo đạt được là cõi nước "hoa sen". Nên biết, nhân quả, y báo, và chánh báo đều là pháp của hoa sen thì cần gì dùng thí dụ để hiển bày! Vì người độn căn không hiểu pháp tánh "hoa sen" cho nên nêu ra hoa ở đời làm thí dụ, và cũng tương ưng đâu có trở ngại! Nhưng Văn kinh có hai chỗ nói "hoa Ưu-đàm-bát chỉ xuất hiện có một lần". Hoa này nếu có mặt thì Luân vương ra đời. Nếu nói kinh này tức là sự trao truyền chức vị pháp vương của Phật ở đời. Hoa "Linh thụy" tương tự như hoa sen cho nên lấy đó làm thí dụ cho pháp vi diệu. Nếu từ ý này chính là mượn thí dụ, thí dụ cho Diệu pháp Hễ thí dụ có ít, thí dụ biến khắp thì như Niết-bàn nói v.v... Nhưng ít thí dụ lấy mặt trăng dụ cho khuôn mặt, tức không thể tìm cầu mắt, mi của người. "Cũng như tuyết xuất hiện ví

như voi, không thể tìm đuôi và ngà của nó. Nay Tam-muội Pháp Hoa không lấy làm ví dụ để dụ cho hoa sen! Hoa có nhiều loại như trước đã nói, nhưng, chỉ có hoa sen có tính chất đặc biệt là quả và hoa có mặt cùng một lúc. Đa phần có thể ví dụ về nhân bao hàm "vạn hạnh" và quả viên mãn vạn đức cho nên lấy làm ví dụ. Lại nữa, loài hoa khác là thô dụ cho nhân quả mười "như" của chín pháp giới. Hoa này thật vi diệu, dụ cho nhân quả mười như thuộc cảnh giới của Phật. Lại nữa, dùng hoa này để dụ cho Tích môn và Bản môn thuộc pháp giới của Phật và mỗi môn có ba thí dụ. Dụ cho Tích môn nghĩa là: 1. Hoa có mặt tức sen xuất hiện. Vì sen mà có hoa nhưng sen không thể thấy. Ví dụ này ước định ở thật trí để nói rõ quyền trí nhưng ý vẫn ở tại thật trí. Không ai có thể biết là như văn kinh nói "Ý ta khó thấu suốt được". Không có ai có thể hỏi là như văn kinh nói "tùy chỗ nói pháp mà ý thú khó hiểu"; 2. Vì hoa nở cho nên sen xuất hiện nhưng hoa cần phải nuôi dưỡng sen tức dụ cho trong quyền trí có thật trí nhưng không thể biết được. Nay khai mở quyền trí để hiển bày thật trí tức ý phải ở tại quyền trí. "Rộng biết hằng sa Phật pháp" chỉ là vì thành tựu thật trí nên biết sâu xa về tri kiến của Phật; 3. "Hoa rụng thì sen thành" tức là dụ cho sự phế bỏ ba thừa để hiển bày một thừa. Chỉ một Phật thừa thẳng đến đạo tràng Bồ-tát có thực hành, thấy không rõ ràng chỉ như "hoa nở". Chư Phật vì không thực hành cho nên thấy rõ ràng ví như hoa rụng, sen thành tựu. Ba ví dụ này là dụ cho Tích môn tức từ phương tiện ban đầu mà dẫn nhập vào đại thừa rồi cuối cùng rốt ráo viên mãn. Lại có ba thí dụ dụ cho Bản môn: 1. Trong hoa tức có sen tức dụ cho trong Tích môn ắt có Bản môn. Tích môn bao hàm cả Bản môn, ý tùy tại Bản môn nhưng tôn chỉ của Phật thật khó hiểu, ngay cả Di Lặc cũng không biết; 2. Hoa nở sen hiện tức dụ cho việc khai mở Tích môn để hiển bày Bản môn nhưng ý tại Tích môn có thể khiến cho các Bồ-tát biết được phương tiện của Phật. Đã biết được Tích môn rồi lại biết Bản môn nên làm tăng trưởng đạo mà giảm tổn sanh; 3. Hoa rụng sen thành tựu tức dụ cho việc phế bỏ Tích môn để hiển bày Bản môn. Đã biết được Bản môn rồi nên không có mê mờ về Tích môn mà chỉ ở trong Pháp thân tu đạo để đạt được "địa trên" viên mãn. Ba thí dụ này là dụ cho Bản môn mới từ sơ khai cho đến cuối cùng đạt được bản địa. Sáu thí dụ của Tích môn và Bản môn mỗi thứ đều có chỗ tương tự: 1. Căn cứ vào "mười như" của Phật giới để nêu ra "mười như" của chín cảnh giới; 2. Khai mở "mười như" của chín cảnh giới để hiển bày "mười như" của Phật giới; 3. Phế bỏ "mười như" của chín pháp giới để thành tựu "mười như" của cảnh giới Phật. Ba thí dụ

này chỉ cho sự thu nhiếp đạt được thỉ, chung tận hết của Tích môn. Nếu hiểu được ý này thì trí, hành, vị thuộc mười hai nhân duyên, Tứ đế, ba đế v.v... cho đến công đức lợi ích cũng dùng thí dụ này để dụ cho nó v.v...; 4. Căn cứ vào "mười như" của Phật giới thuộc Bản môn để nêu ra "mười như" của cảnh giới Phật trong Tích môn; 5. Chú trọng khai mở "mười như" của cảnh giới Phật trong Tích môn để hiển bày nêu ra "mười như" của cảnh giới Phật trong Bản môn; 6. Phế bỏ "mười như" của cảnh giới Phật trong Tích môn thành tựu "mười như" của cảnh giới Phật Bản môn. Như vậy, thỉ chung viên mãn, khai hợp đầy đủ. Đây là vì phần ít mà lấy hoa sen làm thí dụ. Lấy phần nhiều làm thí dụ là như Thích Luận giải thích nghĩa "sư tử hống". Nghĩa là lấy con sư tử ở chốn rừng sâu heo hút được sanh trưởng khiến thân, lực, tay, chân, móng vuốt, răng, đầu đuôi, tiếng kêu v.v... trở nên mạnh mẽ để dụ cho pháp môn "sư tử hống". Cũng như Đại kinh nêu ra thí dụ cây Ba-lợi-chất-đa với quả màu vàng mọng nước khắp nơi v.v... để dụ cho người hành đạo. Nay cũng như vậy, từ hạt giống ban đầu cho đến khi "sen" thành tựu là dụ cho pháp vi diệu. Ví như "sen đá thì có vỏ bọc màu đen ở bên ngoài và thịt màu trắng nằm bên trong đồng thời có bốn tính chất vi tế. Khi hoa sen muốn sanh thì bốn tính chất vi tế ấy đều có mặt đầy đủ. Khai hoa nở thì các tua của sen mới thật sự trở thành buồng sen nhưng trước sau không khác gì sen, chung thủy đều có đầy đủ mười nghĩa. Giống như chúng sanh trong cảnh giới của Phật, ban đầu từ vô minh, sau cùng đi đến "mười như" của Phật quả. Pháp ấy không có khuyết giảm, tổng thí dụ đã xong. Ví như "sen đá", màu đen tức không bị ô nhiễm và cứng rắn tức không bị hủy loại, không vuông, không tròn, không sanh, không diệt. Ngay từ thuở ban sơ do không trồng cho nên không sanh. Và nay vì không khác ban đầu cho nên không diệt. Đó gọi là tướng của hạt sen. Tự tánh của tất cả chúng sanh tâm vốn thanh tịnh cũng lại như vậy, không bị pháp trần làm ô nhiễm. Tùy sanh tử chất chồng nhưng tâm tánh thì không trụ, không động, không sanh, không diệt tức là cảnh giới của Phật. "Tướng như vậy", nên ngài Tịnh Danh nói "tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ-đề" chính vì nghĩa này. Ví như "hạt sen" tùy có vỏ màu đen ở trong bùn lầy nhưng thịt màu trắng không bao giờ biến đổi. "Liễu nhân trí tuệ" của tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, tùy ở trong bùn lầy với năm thứ dơ uế của quả báo sanh tử nhưng tất cả trí nguyện vẫn còn không mất. Đây gọi là cảnh giới của Phật. Vì "tánh như vậy" cho nên nói "Phiền não túc Bồ-đề". Lại nữa các pháp không sanh, Bát-nhã không sanh tức là nghĩa ấy. Ví như hạt sen ở trong bùn lầy nhưng bốn

đặc tính vi diệu không bị hủy nát cho nên gọi là "thể của hạt sen". Tất cả chúng sanh là chánh nhân Phật tánh cũng giống như vậy tức: Thường, lạc, ngã, tịnh không động, không hoại. Đây gọi là "thể như vậy" thuộc cảnh giới của Phật. Đại Kinh nói "Vị này chơn thật dừng lại tại núi khiến cỏ cây rừng rậm không thể diệt mất" tức là nghĩa ấy. Ví như hạt sen bị võ hạt bọc kín, bị bùn lầy nhấn chìm những mầm móng vẫn ở tại chính trung tâm mà có sanh trưởng nhờ vào khí. Tâm của tất cả chúng sanh cũng như vậy, tùy bị khổ não ràng buộc, tập hoặc nhấn chìm nhưng có thể ở trong đó mà phát khởi tâm Bồ-đề rất hùng mãnh. Như sữa của sư tử, như gân của sư tử, gọi là "lực của cảnh giới Phật như vậy". Kinh nói "nếu phát tâm Bồ-đề thì làm chấn động vô biên sanh tử, phá trừ sự luân chuyển vô thỉ khiến người trong cõi Diêm phù chưa thấy quả nhưng có thể pháp tâm dõng mãnh". Ví như chủng tử của sen, tùy nhỏ bé nằm trong cái vỏ cứng màu đen nhưng đều có đủ rễ, thân, hoa, lá, các tua và đài không thiếu sót. Đây gọi là "như thị tác" (việc làm như vậy) của hạt sen. Sự phát tâm Bồ-đề ban đầu của tất cả chúng sanh cũng như vậy tức hiểu rõ quyết định từ bi thệ nguyện: Trên cầu Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh nhằm nắm lấy sự thành tựu với ý chí không mệt mỏi, chùn bước. Đây gọi là "việc làm như vậy" của cảnh giới Phật. Kinh Hoa Thủ nói "tất cả các công đức đều ở trong tâm ban đầu" tức là nghĩa ấy. Ví như rễ của sen ở trong bùn lầy mà hoa thì ở tại hư không rồi nhờ vào gió và ánh sáng mặt trời chiếu soi làm lay động, đêm ngày mà được tăng trưởng trở nên tươi đẹp mau chóng đầy đủ. Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, từ cõi vô minh mà phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát để thoát ra khỏi sanh tử nhập vào trong pháp tánh với nhân hành thành tựu. Nhờ gặp được ánh sáng mặt trời của Phật, được gió thần thông hỗ trợ cho nên tâm của họ mỗi niệm đi vào biển Tát-bà-nhã. Đây gọi là "nhân như vậy" thuộc cảnh giới của Phật. Kinh nói "sự tạo tác công đức ở vô lượng kiếp không như thân, sen và hoa ở trong bùn lầy với năm thứ dơ bẩn. Ở trên nói Phật Nhiên Đăng đạt được nhiều công đức tức là nói đến nhân chơn chánh thành tựu tức thuộc nghĩa ấy. Ví như các tua và nhị của hoa sen thường vậy quanh bên trong hoa và bên ngoài sen. Đây gọi là "duyên như vậy" của hoa sen. Bồ-tát cũng thế. Các ngài ở trong nhân chơn chánh này mà đầy đủ vạn hạnh, sáu Ba-la-mật, nhất hành tức đủ tất cả hạnh, được hỗ trợ ở nơi nhân như các tua ở tại bên trong hoa. Nếu khi đạt được quả thì các hành đều chấm dứt như các tua ở bên ngoài "sen". Đây gọi là "duyên như vậy" thuộc cảnh giới của Phật. Kinh nói "thực hành hết đạo pháp của chư Phật vốn có" tức là nghĩa ấy. Ví như

hoa sen hoa thành thì kết với sen, mà lá và hoa thì rụng xuống còn đài thành hạt. Đây gọi là "quả như vậy" của hoa sen. Bồ-tát cũng thế, do sự cảm ứng của nhân chơn chánh mà quả lớn vô thượng Bồ-đề được viên mãn, rốt ráo thành thật. Đây gọi là "quả như vậy" thuộc cảnh giới của Phật. Do đó kinh nói "Phật tử hành đạo rồi, đời sau được làm Phật" tức là nghĩa ấy. Ví như sen thật có buồng, đài bao bọc xung quanh nên gọi là "báo như vậy" của hạt sen. Bồ-tát cũng thế với quả báo lớn viên mãn, vô thượng khiến quả của tập quả nương vào quả báo ấy như hạt quả nương vào đài. Kinh nói "quả báo lớn như vậy, do từ lâu tu nghiệp đã được" tức là nghĩa ấy. Ví như sen ở trong bùn lầy nhưng bốn đặc tính vi diệu. Tùy nằm giữa hư không hay bùn lầy nhưng bốn đặc tính vi diệu của sen trước sau vẫn không khác. Đây gọi là gốc ngọn v.v... của hạt sen. Tất cả chúng sanh cũng thế, vốn có bốn đức ẩn giấu nên gọi là Như Lai Tạng. Nếu tu tập khiến bốn đức hiển bày thì gọi là Pháp thân.

Bốn đức: Thường, lạc, ngã, tịnh dù ở tánh đức hay tu đức cũng chỉ có một không hai cho nên gọi là "gốc ngọn rốt ráo thuộc mười như của cảnh giới Phật". Kinh nói "Như của chúng sanh đồng với Như của Phật, không có hai Như khác biệt" tức nói lên nghĩa ấy.

Trên đây là dùng "hoa sen" dụ cho cảnh giới của "mười như". Kế đến dùng hoa dụ cho mười hai nhân duyên. Nghĩa là ở trong vỏ đen dưới nước bùn dơ và bị cỏ che phủ. Điều này thông suốt như trên nói tức là chủng tử của chi vô minh, có lực năng sanh tức là chi hành. Bên trong có đầy đủ nhị và các tua của hoa tức là thức, danh sắc, lục nhập, xúc thọ và bao hàm cả ái, thủ, với tính đượm nhuần của nó. Nếu chết ở trong cái vỏ bộc không thể xuất hiện ra bên ngoài thì gọi là lão tử. Nếu có khả năng nảy mầm nhọn khoáy động phôi thai để phá bỏ cái vỏ bọc đen ấy tức là vô minh diệt. Nếu không còn ở trong cái vỏ đen mà sanh ra tức các hành diệt. Nếu thoát ra khỏi cái vỏ đen ấy tức là lão tử diệt. Đây là lượt nói thí dụ về bốn loại mười hai nhân duyên.

Kế đến dùng hoa sen để dụ cho Tứ đế tức là vỏ bọc màu đen dụ cho khổ bên trong thế giới còn nhân trắng dụ cho tập của thế giới bên trong; bùn dụ cho tập của thế giới bên ngoài, nước dụ cho khổ của thế giới bên ngoài; đạo và diệt theo trình tự như vậy có thể biết. Đây là tổng quát dụ cho bốn loại Tứ đế.

Kế tiếp dùng hoa sen dụ cho hai đế nghĩa là ngó sen, thân cây sen, lá sen v.v... dụ cho Tục đế, lỗ trống trong ngó sen, cây sen dụ cho Chơn đế. Đây là tổng thí dụ về bảy loại hai đế.

Kế tiếp nữa, dùng hoa sen dụ cho ba đế nghĩa là Tục đế và Chơn

đế thì như trên đã nói còn bốn đặc tính vi diệu của nó tương ứng thường, lạc, ngã, tịnh dụ cho Đệ nhất nghĩa trung đạo. Đây là thông suốt ví dụ về năm loại ba đế. Bốn đặc tính vi diệu ấy không sanh, không diệt dụ cho một Thật đế. Ngay từ buổi sơ khai không sanh và nay không diệt là ví dụ cho "vô đế, vô thuyết". Như vậy là đã hoàn tất việc dùng hoa sen để ví dụ cho cảnh diệu.

Kế tiếp dùng hoa sen thí dụ cho chín thứ vi diệu tức là bên trong có tánh sanh dụ cho trí tuệ diệu, tánh sanh của hoa cuộn lại ví như "trí không" diệu, tánh sanh của lá và các tua dụ cho trí giả quán diệu; tánh sanh của bốn đặc tính vi diệu thuộc đài sen dụ cho trí trung đạo diệu. Ba tánh sanh này thí dụ cho ba trí vi diệu của trạng thái nhất tâm. Hạt sen tùy nhỏ nhưng có đầy đủ rễ, thân, hoa, lá tức dụ cho hành diệu: Thân tức từ bi, lá tức trí tuệ, các tua (các cánh hoa) tức Tam-muội (định), khai mở tức Giải thoát. Lại nữa, lá sen dụ cho ba loại từ bi: Lá xanh phủ trên mặt nước dụ cho chúng sanh duyên từ, lá vàng che trên mặt nước dụ cho pháp duyên từ, lá ký sinh vào đó dụ cho vô duyên từ. Hoa sen sống nương tựa vào nếu rời khỏi sen thì không sống lâu. Vô duyên từ thành tựu thì không lâu được thọ ký. Lại nữa, rễ, lá, hoa, hạt, lá làm lợi ích cho con người và loài ong tức là thiện, khí hương tức giới, sanh ở trong bùn dơ mà không bị nhục tức là nhẫn, tăng trưởng tức là tinh tấn, nhu nhuyến thấm nhuần tức là thiền, không bị ô nhiễm tức là trí tuệ. Đây là dụ cho hành diệu. Sen dụ cho lý tức là địa vị: Mầm đâm nứt vỏ tức là trụ ở địa vị thô; mầm hạt chui ra khỏi vỏ tức là trụ ở địa vị vi tế, chui bùn tức là địa vị định của dục giới, ngang bằng với bùn tức là địa vị "chưa đến" (vị chí định), ra khỏi bùn dơ, ở trên mặt nước tức là địa vị "bốn thiền", thiền định như nước có thể tẩy sạch "dục trần", ở tại nước mà được tăng trưởng tức dụ địa vị "vô sắc". Đây là dụ cho quán hành về địa vị của hoa sen. Nếu ra khỏi mặt nước thì dụ cho việc phá trừ được Kiến hoặc và Tư hoặc, tương tự hoa sen là chỉ cho địa vị "thập tín", ở giữa hư không khép lại mà muốn mở ra là dụ cho địa vị "Thập Trụ", Tua hoa và đài có thể biết là dụ cho địa vị "Thập Hạnh", tùy vào mặt trời mà nở hoàn toàn là dụ cho địa vị "thập hồi hướng", cánh mở ra hoa thành tựu, mang theo ong bướm đến là dụ cho "thập địa", các tua, lá rung rơi chỉ còn lại hạt và đài là dụ cho các hành chấm dứt tức quả Diệu Giác tối thượng, vô sự, chơn thường, trạm nhiên. Đây đều là ví dụ cho địa vị diệu. Sen có bốn đặc tính vi diệu là dụ cho quy tắc Chơn tánh, bên trong buồng sen và khoảng trống trong ngó và thân sen là dụ cho quy tắc Quán chiếu, đài và buồng bao quanh nhau là dụ cho nguyên

tắc hỗ trợ thành. Đây là dụ cho ba thừa pháp diệu. Sen thành tựu giữa hư không với bóng phản chiếu xuống nước sạch là dụ cho căn cơ và sự cảm ứng hiển bày, nếu phản chiếu xuống nước dơ là dụ cho căn cơ và sự cảm ứng ẩn mất, nếu bóng phản chiếu xuống nước sạch nhưng bị gió làm xao động sóng nước thì dụ cho căn cơ và sự cảm ứng cũng ẩn cũng hiện. Đại Kinh nói "cây ở trong bóng tối với bóng đêm chiếu xuống nước dụ cho căn cơ và sự cảm ứng chẳng phải ẩn chẳng phải hiện". Tất cả những điều này dụ cho sự cảm ứng diệu. Nếu gió làm lay động hoa sen thì từ phía đông thổi đến hướng tây đổi hướng đến nam chiếu qua phía bắc, gió của phương dưới tức là hợp, gió của phương trên tức là khai nhằm dụ cho "phía đông vọt ra, phía tây chìm xuống và ở giữa vọt ra còn phía bên chìm xuống v.v... Đây là dụ cho tướng lành của đất chấn động. Mặt trời lặn khiến cho hoa khép lại là dụ cho tướng lành nhập định. Mặt trời mọc khiến hoa nở ra là dụ cho tướng lành thuyết pháp. Trông từ xa màu hồng đến gần nhìn tức là màu trắng với tướng hoa màu đỏ lá màu xanh phản ánh ngời lên là dụ cho tướng lành phóng quang. Mùi hương bay đi khắp đồng trống dụ cho tướng lành gió thổi hương chiên đàn. Các nhụy hoa khi gió thổi bay đi dụ cho tướng lành: trời mưa hoa xuống. Gió mưa thổi vào làm ướt các phiến hoa khiến phát ra tiếng lách tách là dụ cho tướng lành "trống trời tự nhiên kêu thật". Tất cả các điều này là dụ cho thần thông diệu. Hoa còn khép mà chưa nở là dụ cho việc ẩn một thừa mà phân biệt nói ba thừa, hoa lá nở ra là dụ cho việc gom ba thừa quy về một thừa nên chỉ nói một thừa, hoa rụng sen còn là dụ cho tuyệt giáo ẩn lý. Nếu biết Như Lai thường không có thuyết pháp thì gọi là đa văn. Tất cả điều này là dụ cho thuyết pháp diệu. Từ một ngó sen mà sanh ra một hoa rồi lần lượt lại sanh ra "vô lượng hoa sen" là dụ cho quyến thuộc diệu. Từ một buồng sen làm rơi môt hạt tại bùn lầy khiến sanh ra hoa sen rồi triển chuyển sanh ra vô lượng hoa sen là dụ cho quyến thuộc thần thông diệu. Nếu đào xới ngó sen kia lên, hái hạt sen kia trồng vào ao này thì hoa sen sống mãnh liệt tươi tốt là dụ cho "quyến thuộc nguyện sanh diệu". Từ ao kia bay đến giống như dây tơ mong manh, hay sương mù nhỏ nhẹ nhập vào ao này khiến hoa sen trở nên mạnh mẽ tươi tốt là dụ cho "quyến thuộc nguyện sanh". Cá và ba ba tụ tập bên dưới của cây sen còn ong bướm quay quần tập hợp trên hoa sen là dụ cho lợi ích trong mát vi diệu của quả báo chúng sanh; người thấy sanh vui mừng là dụ cho lợi ích về nhân; hái lá của hoa sen để sử dụng là dụ cho "lợi ích của ba loại cỏ" hái hoa để sử dụng là dụ cho lợi ích vi diệu của loại cây nhỏ, hái sen để sử dụng là dụ cho lợi

ích của loại cây lớn, hái ngó sen để sử dụng là dụ lợi ích của thật sự vi diệu. Tất cả những điều này là dụ cho công đức lợi ích. Hết thảy tất cả thí dụ trên, như vậy, và còn vô lượng thí dụ thí dụ cho mười diệu trong Tích môn v.v... Kế đến thí dụ về Bản môn tức dụ cho hoa sen của một ao mới chín muồi và đã chín rồi rơi rụng xuống trong nước bùn dơ, lại sanh trưởng cho đến thành thục. Cứ như vậy lần lượt sanh rồi chín theo năm tháng dần qua biến khắp cả ao lớn tràn ngập ruộng hoa. Phật cũng như vậy, xưa ban đầu tu nhân rồi sau đó chứng quả rốt ráo. Nhưng vì chúng sanh cho nên sau đó lại khởi lên phương tiện ở trong sanh tử thị hiện mới phát tâm, lại thị hiện cứu cánh rốt ráo. Trải qua sanh diệt với vô số trăm nghìn kiếp, từ bản địa mà thị hiện xuống đồng với phàm tục rồi tu tập năm hạnh: từ sen màu đen có thể sanh ra thân cây, lá là dụ cho tu Thánh hạnh, bốn đặc tính vi diệu của hạt sen dần dần tăng trưởng là dụ cho tu tập "Thiên hạnh", lá hoa sen mới sanh là dụ cho tu tập "Phạm hạnh", hạt sen rơi vào trong bùn lầy là dụ cho đồng với các ác để tu tập "Bệnh hành", mầm mống của sen mới mọc là dụ cho đồng với tiểu thiện để tu tập "hạnh anh nhi". Việc làm lợi ích cho chúng sanh trong ba đời như vậy thật không thể tính đếm được, biến khắp pháp giới không chỗ nào là không phân thân đem lại lợi ích cho chúng sanh dưới hình thức thị hiện Tích môn, khai mở Tích môn, phế bỏ Tích môn v.v... Nếu chẳng phải hoa sen thì do đâu thí dụ được khắp các pháp trên đây! Pháp và dụ song song được làm rõ cho nên gọi là "Diệu Pháp Liên Hoa".

■